

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ THEO TIẾP CẬN CDIO
NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ. MÃ NGÀNH: 8.31.01.10

Định hướng: ỨNG DỤNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3537/QĐ-DHV ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần	Phân kỳ	Đơn vị phụ trách
I. CÁC HỌC PHẦN CHUNG (cho tất cả các ngành)						
1	PHI81001	Triết học	3	Lý thuyết	1	Khoa GDCT
2	ENG81002	Ngoại Ngữ	3	Lý thuyết	1	Khoa SPNN
II. CÁC HỌC PHẦN CƠ SỞ NGÀNH						
1. Các HP bắt buộc						
3	ECO82003	Các học thuyết kinh tế hiện đại	3	Lý thuyết	1	Khoa Kinh tế
4	ECO82004	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3	Lý thuyết	1	Khoa Kinh tế
5	ECO82005	Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	3	Lý thuyết	1	Khoa Kinh tế
6	ECO82006	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3	Lý thuyết	1	Khoa Kinh tế
2. Các HP tự chọn						
7	Tự chọn 1		3	Lý thuyết	2	Trường Kinh tế
8	Tự chọn 2		3	Lý thuyết	2	Trường Kinh tế
9	Tự chọn 3		3	Lý thuyết	2	Trường Kinh tế
10	Tự chọn 4		3	Lý thuyết	2	Trường Kinh tế
III. CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH						
1. Các HP bắt buộc						
11	ECM83015	Quản lý tổ chức	3	Dự án	3	Khoa Kinh tế
12	ECM83016	Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa	3	Dự án	3	Khoa Kinh tế
13	ECM83017	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội	3	Dự án	3	Khoa Kinh tế
2. Các HP tự chọn						
16	Tự chọn 5		3	Dự án	3	Khoa Kinh tế
17	Tự chọn 6		3	Dự án	3	Khoa Kinh tế
IV. THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP						
18	ECM83022	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp (định hướng ứng dụng)	15	Dự án	4	Khoa Kinh tế

Nghệ An, ngày 12 tháng 12 năm 2023

Tự chọn 1: Chọn 1 trong các học phần	
ECM82007	Kinh tế quốc tế nâng cao
ECM82008	Kinh tế phát triển nâng cao
Tự chọn 2: Chọn 1 trong các học phần	
ECM82009	Kỹ năng quản lý
ECM82010	Quản lý nguồn nhân lực
Tự chọn 3: Chọn 1 trong các học phần	
ECM82011	Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay
ECM82012	Quản lý đầu tư công
Tự chọn 4: Chọn 1 trong các học phần	
ECM82013	Thông kê ứng dụng
ECM82014	Quản lý tài chính công
Tự chọn 5: Chọn 1 trong các học phần	
ECM83018	Lãnh đạo
ECM83019	Đàm phán và quản lý xung đột
Tự chọn 6: Chọn 1 trong các học phần	
ECM83020	Phát triển vùng và địa phương
ECM83021	Quản lý chiến lược

HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC VINH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Cúc



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

MA TRẬN PHÂN NHIỆM CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 1/2024

Số trang: 16

Loại hình HP	Mã học phần	CLO	Trọng số % của CLO	PLO															
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
				2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
				100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
UD			DTB	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.4	3.5	3.5	3.5	3.5	2.5	3.5	3.7	3.9	4.0	4.2
Bắt buộc 1	PH181001	1.1.1.1	5%	2.5															
		1.1.1.2	5%	2.5															
		1.1.1.3	10%	2.5															
		1.1.1.4	10%	2.5															
		2.1.1.1	15%				2.5												
		2.2.1.1	15%						2.5										
Bắt buộc 2	ENG81002	3.1.1.1	5%																
		3.2.1.1	10%																
		3.2.2.1	25%											2.5					
		3.2.2.2	25%											2.5					
		3.2.2.3	25%											2.5					
		3.2.2.4	25%											2.5					
Bắt buộc 3	ECO82003	1.1.2.1	5%		2.5														
		1.1.2.2	5%		2.5														
		1.1.2.3	5%		2.5														
		1.1.2.4	5%		2.5														
		2.1.1.1	10%				2.5												
		4.1.1.1	10%												3.5				
Bắt buộc 4	ECO82004	1.1.2.1	5%		2.5														
		1.1.2.2	5%		2.5														
		1.1.2.3	5%		2.5														
		1.1.2.4	5%		2.5														
		2.2.2.2	35%							3.5									
		4.1.1.1	10%												3.5				
Bắt buộc 5	ECO82005	1.1.2.1	5%		2.5														
		1.1.2.2	5%		2.5														
		1.1.2.3	5%		2.5														
		1.1.2.4	5%		2.5														
		2.1.1.1	5%				2.5												
		2.2.1.1	30%						3.5										
		2.2.2.1	35%							3.5									
		3.1.1.1	5%								3.5								
		3.2.1.1	5%										3.5						
		4.2.1.1	5%												3.5				
Bắt buộc	ECO8200	1.1.1.1	15%	2.5															
		1.1.1.2	15%	2.5															
		1.1.1.3	20%	2.5															
		1.1.1.4	20%	2.5															
		2.1.1.1	10%				2.5												

Loại hình K	Mã học ph	CLO	Trọng số % của CLO	PLO															
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
				2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
Tự chọn 1	ECN182007	2.1.2.1	40%					2.5											
		3.1.1.1	10%								3.5								
		4.2.2.1	5%														3.5		
		1.1.2.1	3%		2.5														
		1.1.2.2	3%		2.5														
		1.1.2.3	2%		2.5														
		1.1.2.4	2%		2.5														
		2.1.1.1	10%				2.5												
		2.2.1.1	30%						3.5										
		3.1.1.1	10%								3.5								
Tự chọn 2	ECN182008	3.2.1.1	10%										3.5						
		4.1.1.1	10%												3.5				
		4.2.1.1	5%													3.5			
	ECN182009	1.1.2.1	3%		2.5														
		1.1.2.2	3%		2.5														
		1.1.2.3	2%		2.5														
		1.1.2.4	2%		2.5														
		2.1.1.1	10%				2.5												
		2.2.1.1	30%						3.5										
		3.1.1.1	10%								3.5								
		3.2.1.1	10%										3.5						
		4.1.1.1	10%												3.5				
		4.2.1.1	5%													3.5			
Tự chọn	ECN182010	1.1.2.1	3%		2.5														
		1.1.2.2	3%		2.5														
		1.1.2.3	2%		2.5														
		1.1.2.4	2%		2.5														
		2.1.2.1	30%					2.5											
		2.2.2.1	30%							3.5									
		3.1.2.1	40%									3.5							
	ECN182011	1.1.2.1	3%		2.5														
		1.1.2.2	3%		2.5														
		1.1.2.3	2%		2.5														
		1.1.2.4	2%		2.5														
		2.1.1.1	10%				2.5												
		2.2.1.1	20%						3.5										
		4.2.1.1	5%													3.5			
		1.1.2.1	3%		2.5														

Loại hình B	Mã học ph	CLO	Trọng số % của CLO	PLO															
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
				2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
Loại hình B	ECM82012	1.1.2.2.	3%		2.5														
		1.1.2.3	2%		2.5														
		1.1.2.4.	2%		2.5														
		2.1.1.1	10%				2.5												
		2.2.1.1	20%						3.5										
		4.2.1.1	5%													3.5			
Tự chọn 4	ECM82013	1.1.2.1.	3%		2.5														
		1.1.2.2.	3%		2.5														
		1.1.2.3.	2%		2.5														
		1.1.2.4.	2%		2.5														
		2.1.2.1.	30%					2.5											
		3.1.1.1.	10%								3.5								
	ECM82014	1.1.2.1.	3%		2.5														
		1.1.2.2.	3%		2.5														
		1.1.2.3.	2%		2.5														
		1.1.2.4.	2%		2.5														
		2.1.2.1.	30%					2.5											
		3.1.1.1.	10%								3.5								
Bắt buộc 7	ECM83015	1.2.1.1.	3%			2.5													
		1.2.1.2.	3%			2.5													
		1.2.1.3.	2%			2.5													
		1.2.1.4.	2%			2.5													
		2.1.1.1.	5%				2.5												
		3.1.1.1.	20%								3.5								
		3.2.1.1.	5%									3.5							
		4.1.1.1.	10%												3.5				
		4.2.1.1.	20%													3.5			
		4.2.2.1.	20%														4.5		
		4.2.3.1.	20%															4.5	
		4.2.4.1.	10%																4.5
Bắt buộc 8	ECM83016	1.2.1.1.	5%			2.5													
		1.2.1.2.	10%			2.5													
		1.2.1.3.	10%			2.5													
		1.2.1.4.	5%			2.5													
		2.1.1.1.	5%				2.5												
		3.1.1.1.	20%								3.5								
		3.2.1.1.	10%									3.5							
		4.1.1.1.	10%												3.5				
		4.2.1.1.	20%													3.5			
		4.2.2.1.	20%														4.5		
		4.2.3.1.	20%															4.5	
		4.2.4.1.	20%																4.5
		1.2.1.1.	3%			2.5													
		1.2.1.2.	3%			2.5													
		1.2.1.3.	2%			2.5													

Loại hình	Mã học ph	CLO	Trọng số % của CLO	PLO															
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
				2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
Bắt buộc 9	ECM83017	1.2.1.4.	2%			2.5													
		2.1.1.1.	10%				2.5												
		3.1.1.1.	20%								3.5								
		3.2.1.1.	25%										3.5						
		4.1.1.1.	20%												3.5				
		4.2.1.1.	15%													3.5			
		4.2.2.1.	30%														3.5		
		4.2.3.1.	10%															4.5	
		4.2.4.1.	20%																4.5
UĐ-Tự chọn 5	ECM83018	1.2.1.1.	5%			2.5													
		1.2.1.2.	5%			2.5													
		1.2.1.3.	5%			2.5													
		1.2.1.4.	5%			2.5													
		2.1.1.1.	5%				2.5												
		3.1.2.1.	30%									3.5							
		3.2.1.1.	10%										3.5						
		4.1.1.1.	10%												3.5				
		4.2.1.1.	5%													3.5			
		4.2.2.1.	5%														3.5		
		4.2.3.1.	10%															3.5	
		4.2.4.1.	10%																4.5
	ECM83019	1.2.1.1.	5%			2.5													
		1.2.1.2.	5%			2.5													
		1.2.1.3.	5%			2.5													
		1.2.1.4.	5%			2.5													
		2.1.1.1.	5%				2.5												
		3.1.2.1.	30%									3.5							
		3.2.1.1.	10%										3.5						
		4.1.1.1.	10%												3.5				
		4.2.1.1.	5%													3.5			
		4.2.2.1.	5%														3.5		
		4.2.3.1.	10%															3.5	
		4.2.4.1.	10%																4.5
UĐ-Tự	ECM83020	1.2.1.1.	10%			2.5													
		1.2.1.2.	10%			2.5													
		1.2.1.3.	5%			2.5													
		1.2.1.4.	5%			2.5													
		2.1.1.1.	5%				2.5												
		3.1.2.1.	30%									3.5							
		3.2.1.1.	10%										3.5						
		4.1.1.1.	10%												3.5				
		4.2.1.1.	5%													3.5			
		4.2.2.1.	10%														3.5		
		4.2.3.1.	10%															3.5	
		4.2.4.1.	10%																4.5

Loại hình chọn 6	Mã học ph	CLO	Trọng số % của CLO	PLO															
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
				2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
ECM83021		1.2.1.1.	10%			2.5													
		1.2.1.2.	10%			2.5													
		1.2.1.3.	5%			2.5													
		1.2.1.4.	5%			2.5													
		2.1.1.1.	5%				2.5												
		3.1.2.1.	30%								3.5								
		3.2.1.1.	10%									3.5							
		4.1.1.1.	10%											3.5					
		4.2.1.1.	5%												3.5				
		4.2.2.1.	10%													3.5			
		4.2.3.1.	10%														3.5		
		4.2.4.1.	10%															4.5	
ECM83022		2.1.1.1.	5%				2.5												
		2.1.1.2.	5%				2.5												
		2.2.1.1.	5%						3.5										
		3.1.1.1.	5%							3.5									
		3.2.1.1.	25%									3.5							
		4.1.1.1.	10%											3.5					
		4.2.1.1.	20%												4.5				
		4.2.2.1.	10%													3.5			
		4.2.3.1.	30%														3.5		
		4.2.4.1.	30%															3.5	
ƯD		TỔNG %		100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
		TB điểm NL		2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.4	3.5	3.5	3.5	3.5	2.5	3.5	3.7	3.9	4.0	4.2